TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
S□: 03/2018/Q□ST- DS	*ỨH, ngày 31 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP KT VN. Trụ sở: 191 BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP KT VN. (*Theo giấy ủy quyền số 2294/2017/UQ-TCB ngày 13/11/2017*).

* **Bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

+ Ông Đặng Văn L, sinh năm 1964

+ Bà Liêu Thị H, sinh năm 1964

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện ỨH, thành phố Hà Nội.

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

+ Bà Trần Thị V, sinh năm 1931

+ Anh Đặng Việt H1, sinh năm 1990

+ Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1994

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện ỨH, thành phố Hà Nội. *(bà V, anh H, chị T đều ủy quyền cho bà H).*

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1 Bị đơn vợ chồng ông Đặng Văn L bà Liêu Thị H (sau đây gọi tắt là ông L bà H) xác nhận ngày 28/7/2011có ký kết 01 hợp đồng tín dụng Trung, dài hạn vay vốn Ngân hàng TMCP KT V - chi nhánh Thăng Long (sau đây gọi tắt là Ngân hàng KT), cụ thể: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 49239/HĐTD/TH-TN.TCB-TLG-LHA vay số tiền 2.200.000.000 đồng; mục đích vay: mua bất động sản. Theo đó, ngày 28/7/2011 ông L bà H cùng Ngân hàng KT ký kết thêm 01 phụ lục hợp đồng tín dụng về lịch trả nợ và ngày 29/7/2011 ông L bà H đã nhận giải ngân từ Ngân hàng KT tổng số tiền 2.200.000.000 đồng như đã nêu trên theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 49239. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kiêm cam kết trả nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm . . . và các thỏa thuận khác, ông L bà H xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng KT số tiền tính đến ngày 20/6/2018 nh- sau:

+ Nợ gốc: 2.047.225.000đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 1.461.065.695đồng

+ Nợ lãi quán hạn: 287.175.922đồng

+ Nợ lãi phạt: 944.123.695đồng

Tổng cộng: **4.739.590.312** đồng (*Bốn tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi nghìn ba trăm mười hai đồng)*.

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn, ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

Ngân hàng đồng ý miễn cho ông L bà H số tiền nợ lãi phạt 944.123.695 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 44.000.000đồng, tổng cộng Ngân hàng KT miễn cho vợ chồng ông L bà H tổng số tiền 988.123.695 đồng. Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2018 ông L bà H phải thanh toán cho Ngân hàng KT tổng số tiền 3.795.466.617đồng (trong đó tiền gốc: 2.047.225.000đồng, nợ lãi trong hạn: 1.461.065.695đồng, nợ lãi quá hạn: 287.175.922 đồng), (lãi tạm tính đến ngày 20/6/2018) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi

suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 49239/HĐTD/TH-TN.TCB-TLG-LHA, phụ lục hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 49239 ngày 28/7/2011 đã ký kết kể từ ngày 21/6/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng KT.

+ Toàn bộ số tiền khi ông L bà H thanh toán,thì sẽ được Ngân hàng KT thu trừ vào số tiền nợ gốc tr- ớc.

+ Trường hợp ông L bà H trả nợ theo đúng cam kết trên và có đơn đề nghị thì được Ngân hàng KT miễn, giảm phần tiền nợ lãi cho ông L bà H theo thỏa thuận.

* Về lãi suất:

+ Kể từ ngày 21/6/2018 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết *(Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng Kt)* trên số d- nợ gốc t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

+ Nếu bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Kt là Quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất số 1028, tờ bản đồ số 12, diện tích là 109 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tại: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện ỨH, Hà Nội, GCNQSD đất số AK 770195; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H00977/UH do UBND huyện ỨH cấp ngày 08/10/2007 cho ông Đặng Văn L, Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số 3675.2011/HĐTC-TCB ngày 28/7/2011 của Văn Phòng Công chứng Thăng Long, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/7/2011.

+ Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng Kt cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự là 28.184.500đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 56.369.000đồng *(Năm mươi sáu triệu ba trăm sáu*

mươi chín nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được miễn giảm 50%, số tiền án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông L bà H còn phải nộp là 28.184.500đồng *(Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng).*

Hoàn trả Ngân hàng TMCP KT VN 56.179.000đồng *(năm mươi sáu triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008713 ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □H.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □H;
- Chi cục T.H.A DS huyện □H;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

Nguyễn Văn Thiện